

Bản án số: 106/2017/HSST

Ngày 04/7/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Bá Toàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Cương

Ông Lương Văn Vịnh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*

Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:*

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn B - Sinh năm 1979; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn I, con bà Lò Thị P (Đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị X và 03 con, hiện trú tại Bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giữ, giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2017 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn H - Sinh năm 1977; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản C, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn K (Đã chết), con bà Lò Thị L; Bị cáo có vợ là Vi Thị T và 02 con, hiện trú tại Bản C, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giữ, giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2017 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi liên quan: **Chị Lò Thị X** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La - Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 16 giờ 50 ngày 03/01/2017, tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã phát hiện bắt quả tang Lò Văn B và Lò Văn H đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: Thu của B 01 gói nylon màu hồng bên trong chứa bột liên kết màu trắng và $\frac{1}{2}$ viên nén màu hồng theo B khai nhận là Hêrôin và Hồng phiến, thu của Lò Văn H 01 gói nylon màu xanh bên trong chứa bột liên kết màu trắng theo H khai nhận là Hêrôin; Ngoài ra tổ công tác tạm giữ của B 150.000đ, 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô BKS 26C1- 090.53; thu của Lò Văn H 02 xilanh loại 3cc đã qua sử dụng và 01 bát lửa ga.

Ngày 04/01/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh, xác định trọng lượng, trích mẫu giám định; Kết quả gói bột màu trắng thu của B có trọng lượng 0,42gam, đã dùng hết làm mẫu gửi giám định ký hiệu B, $\frac{1}{2}$ viên nén màu hồng có trọng lượng 0,03 gam, đã dùng hết làm mẫu gửi giám định ký hiệu B1; gói chất bột màu trắng thu giữ của Hương có trọng lượng 0,15gam, đã dùng hết làm mẫu giám định ký hiệu H.

Kết luận giám định số 149/KLMT ngày 05/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu B1 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,03gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu B, H là chất ma túy; Loại chất Hêrôin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là B = 0,42 gam, H = 0,15 gam.

Quá trình điều tra Lò Văn B và Lò Văn H khai nhận:

Khoảng 15 giờ ngày 03/01/2017 B điều khiển xe mô tô BKS 26C1-090.53 đi vào xã Huổi Một để tìm mua ma túy sử dụng, khi đi có mang theo 400.000đ, đến bản Nang Cầu, xã Nà Nghịu gặp Lò Văn H đang đi bộ nên B rủ H cùng đi mua ma túy. Bình điều khiển xe mô tô chở H đến bản Co Mạ, xã Huổi Một, B vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông tên là P hỏi mua được 01 gói Hêrôin và 01 viên hồng phiến với giá 250.000VNĐ, mua được ma túy B lấy viên hồng phiến bẻ $\frac{1}{2}$ viên ra sử dụng, $\frac{1}{2}$ viên còn lại B gói lại để cùng vào gói Hêrôin cầm ở tay phải ra xe đứng đợi H; Đối với H, khi đến nhà P, H đi ra ngoài vườn cách nhà P khoảng 100 mét thì gặp một người đàn ông dân tộc M tên là C hỏi mua được 01 gói Hêrôin với giá 100.000đ, H trích ra một ít sử dụng, số còn lại gói lại rồi cầm trên tay quay lại chỗ B rồi cả hai cùng nhau đi về. Khi đến bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã thì gặp tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng và tài sản liên quan. Lò Văn B và Lò Văn H cũng khai nhận ngoài mục đích mua ma túy để bản thân sử dụng không có mục đích nào khác.

Do có hành vi nêu trên tại Cáo trạng số 37/KSĐT - MT ngày 15 tháng 4 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân

huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn B và Lò Văn H về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn H phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 BLHS; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/NQ - HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 276/TANDTC- PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt Lò Văn B từ 24 - 30 tháng tù, xử phạt Lò Văn H từ 24 - 30 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu huỷ 02 xi lanh và 01 bật lửa; Trả lại cho bị cáo Lò Văn B 01 điện thoại di động và số tiền 150.000đ; Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Lò Thị X 01 xe máy.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi liên quan.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng bị thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 03 tháng 01 năm 2017 Lò Văn B có hành vi tàng trữ 01 gói Hêrôin có trọng lượng 0,42gam và ½ viên hồng phiến (là loại chất Methamphetamine) có trọng lượng 0,03gam; Lò Văn H có hành vi tàng trữ 01 gói Hêrôin có trọng lượng 0,15gam, đều với mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi các bị cáo thực hiện đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù.

Hội đồng xét xử thống nhất nhận định, đánh giá như sau:

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở

địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Xét về vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong vụ án này bị cáo Lò Văn B là người có vai trò chính và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Lò Văn H là đồng phạm với vai trò là người thực hành, cần áp dụng Điều 53 BLHS đối với bị cáo H. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải với việc làm của bản thân, áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra đối với bị cáo Lò Văn B có bố, mẹ là những người có công với cách mạng đã được tặng thưởng huân chương do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo. Cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương.

Tuy nhiên Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khóa 13 quy định : “ Kể từ ngày 01/7/2016 thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết 109/2015/QH13 ”.

Điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội khóa 13 quy định: “ Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 7 năm 2016 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích ”.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành ”.

Căn cứ các quy định nêu trên so sánh quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thấy:

Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Như vậy khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Cần xem xét áp dụng quy định Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Cơ quan điều tra đã làm rõ các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn cho bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc bật lửa và 02 xilanh cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 chiếc điện thoại di động và số tiền do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cần trả lại cho bị cáo Lò Văn B; đối với chiếc xe máy quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe thuộc sở hữu của chị Lò Thị X nên cần trả lại cho chị X quản lý, sử dụng.

Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với hai người đàn ông các bị cáo khai đã bán ma túy cho các bị cáo, quá trình điều tra xác minh tại bản C, xã H không có người nào tên P và Chồng nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khóa 13; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội khóa 13; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn B 24 (hai mươi bốn) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 03/01/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khóa 13; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội khóa 13; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 03/01/2017).

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bật lửa ga màu đỏ và 02 xi lanh loại 03ml/cc.
- Trả lại cho bị cáo Lò Văn B 01 (một) điện thoại di động màu đen đã qua sử dụng, số seri 357888054580748 và số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).
- Trả lại cho chị Lò Thị X, địa chỉ: Bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La 01 (một) xe máy hiệu HONDA Wave màu đỏ, biển kiểm soát 26C1-09053, số khung 361259, số máy 5360175.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/7/2017)./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Người có QLLQ;
- Các bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Toàn